

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-6-2022.

“V/v: Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo

2. Ông Nguyễn Đăng Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng – thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/HNGĐ, ngày 17/02/2022, về việc: **“Xin ly hôn”**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST, ngày 22/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sầm Thị L – sinh năm 1997 - *Có mặt*

Địa chỉ: Thôn 4 (*thôn 7 cũ*), xã C, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Đàm Văn T – sinh năm 1997 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn 4 (*thôn 7 cũ*), xã C, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn:** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Sầm Thị L trình bày:

Tôi cùng với anh Đàm Văn T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, cũng như được sự đồng ý của hai bên gia đình, họ hàng và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2015. Sau khi về chung sống với nhau đến ngày 15/4/2017 vợ chồng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đ.

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân: Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không có vấn đề gì. Tuy nhiên khoảng gần 03 năm trở lại đây giữa tôi và anh xảy ra rất nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, thường bất đồng về quan điểm, lối sống, nhưng nguyên nhân chính là do anh T ngoại tình và hiện tại đang chung sống với người phụ nữ khác. Mặc dù tôi cũng đã nhiều lần tha thứ, nhin nhục chỉ để con tôi sống có bố như bao đứa trẻ khác và không muốn hôn nhân đổ vỡ nhưng càng ngày anh T càng tỏ ra lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm và tỏ ra coi thường vợ con. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai chúng

tôi đã trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có với nhau 01 con chung là cháu Đàm Tuấn A, sinh ngày 05/10/2016, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi con. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh Đàm Văn T:

Kể từ khi thụ lý cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Đàm Văn T tại địa chỉ nơi cư trú do chị L cung cấp, nhưng anh T vắng mặt không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán:* Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với HĐXX:* Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

+ Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn: Không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Sầm Thị L và anh Đàm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sầm Thị L và anh Đàm Văn T.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Đàm Tuấn A, sinh ngày 05/10/2016. Sau khi ly hôn cần giao cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đàm Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung, các quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CuM'gar, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định:

Chị Sầm Thị L và anh Đàm Văn T chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 15/4/2017 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đ. Như vậy hôn nhân của anh, chị là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân; theo chị L, giữa chị và anh T chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay bất đồng về quan điểm, lối sống, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, sống thiếu tôn trọng nhau. Nhưng nguyên nhân chính do anh T ngoại tình, chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị không còn thương yêu chồng nữa, mâu thuẫn giữa hai người là rất trầm trọng, kéo dài, không thể khắc phục và hàn gắn, dù có níu kéo cũng chỉ làm khổ nhau. Vì vậy chị L có nguyện vọng được ly hôn với anh Thuật.

Qua xác minh tại địa phương đã cung cấp; chị L và anh T là vợ chồng sinh sống tại địa phương. Thời gian gần đây anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, mặc dù trong thời gian xảy ra mâu thuẫn anh chị được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại anh chị đã sống ly thân nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh T quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là thực tế, rất trầm trọng và kéo dài. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, khắc phục và duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Đàm Tuấn A, sinh ngày 05/10/2016. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L có nguyện vọng xin được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị L có công ăn việc làm và nơi ở ổn

định. Ngoài ra cháu Đàm Tuấn Anh hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu, cần giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của chị Lan.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** *Vì các lẽ trên;***

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sầm Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị L được ly hôn với anh Đàm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Đàm Tuấn A, sinh ngày 05/10/2016 cho chị Sầm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đàm Tuấn A trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sầm Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đàm Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sầm Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

****Về án phí***: *Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Chị Sầm Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0007995, ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Cư;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN QUANG CẢNH

TV. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HTND

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

** Nơi nhận:*
THẨM

TÒA

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- CC THADS huyện CưM'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Kuêh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Quang Cảnh